TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2026/HSST
Ngày 06/01/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Trí

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đăng Bôi và ông Lương Văn Hùng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Toà án;

- *Đại diện VKSND khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Trịnh Minh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 179/2025/HSST ngày 05/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2025/HSST ngày 24/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Quách Văn Đ**, sinh năm: 1998; HKTT: Xóm T2, xã YT, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở: Không cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo, đảng phái: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; họ tên bố: Quách Văn Đ1, sinh năm: 1975; họ tên mẹ: Quách Thị M; sinh năm: 1975; có vợ là: Bùi Thị M1, sinh năm: 2000 (đã ly hôn) và có: 01 con (sinh năm 2019).

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 104/2023/HSST ngày 18/9/2023 của TAND Thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ra trại ngày 09/12/2023 (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị S,** sinh năm: 1980; HKTT: Xã XH, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Khu dân cư QG, xã TT, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo, đảng phái: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Nguyễn Văn K (Đã chết); con bà: Phạm Thị T, sinh năm: 1938; có chồng là: Đặng Vũ B, sinh năm: 1973 và có có 01 con (sinh năm 2009).

Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa). .

** Người bị hại:*

1. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1959; trú tại: Tiểu khu ML, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Việt Q, sinh năm 1976; trú tại: Tiểu khu TC, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; trú tại: Thôn LS, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)

4. Chị Đoàn Thị Q1, sinh năm 1983; trú tại: trú tại: Tiểu khu ML, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

5. Anh Vũ Xuân V, sinh năm 1983, trú tại: Thôn ĐX, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

6. Anh Trần Văn H, sinh năm 1979; trú tại: Tiểu khu PG, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị Q2, sinh năm 1974, trú tại: Thôn LS, xã PX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

2. Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1987, trú tại: Tiểu khu CC, xã ĐX, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

3. Ông Lê Văn B2, sinh năm 1965, trú tại: AD, xã CD, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

4. Chị Đoàn Thị H1, sinh năm 1989, trú tại: Thôn NA, xã NP, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu và mua ma tuý sử dụng cho bản thân, nên Quách Văn Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trong các ngày từ 11/8/2025 đến 19/8/2025, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Quách Văn Đ đã 06 lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, chứng minh được cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 8h ngày 11/8/2025, Đ đi bộ lang thang dọc đường Quốc lộ 1A, khi đến khu vực tiểu khu ML thì Đ phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu xanh BKS: 29K9 – 5532 của ông Nguyễn Văn B1 (SN: 1959) để ở bên lề đường. Quan sát xung quanh không có ai, Đ tiến lại gần rồi điều khiển chiếc xe đi ra đường gom cao tốc đi hướng về trung tâm thành phố Hà Nội rồi vào cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Phạm Thị Q2 (SN: 1974, HKTT: Thôn LS, xã PX, thành phố Hà Nội). Đ bán chiếc xe

mô tô trên cho chị Q2 với giá 850.000đ. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe trên ông B1 khai, năm 2008 mua của một người không quen biết với giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 8h30 ngày 14/8/2025, tại khu vực tiểu khu TC, Đ đi vào trong nhà anh Nguyễn Việt Q (SN: 1976) trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động (1 chiếc Xiaome 12 pro và 1 chiếc V50) được đặt ở trên giường của anh Q. Sau đó Đ bán chiếc Xiaome 12 Pro với giá 1.200.000đ cho anh Phạm Anh T1 (SN: 1987, HKTT: CC, ĐX, TP. Hà Nội, là chủ cửa hàng mua bán điện thoại). Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 8h30 ngày 16/8/2025, tại khu vực thôn LS, xã PX, Đ đi vào trong sân nhà anh Nguyễn Văn G (SN: 1984) rồi trộm cắp 01 chiếc xe đạp thể thao, màu đen trên khung xe có chữ GUDRUN của anh G. Sau đó, Đ bán chiếc xe này cho ông Lê Văn B2 (SN: 1965, HKTT: AD, Tô Hiệu) với giá 800.000 đồng. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân.

Vụ thứ 4: Khoảng 8h ngày 17/8/2025, tại xóm Đ2, PX, Hà Nội, Đ đi vào trong sân nhà chị Đoàn Thị Q1 (SN: 1983) trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave, màu xanh của chị Q1 rồi bán cho Nguyễn Thị S (SN: 1980, HKTT: QG, Hà Nội), là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn với giá 800.000đ. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 5: Khoảng 9h ngày 18/8/2025, tại khu vực thôn ĐX, xã PX, Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, màu đỏ của anh Vũ Xuân V (SN: 1983, HKTT: ĐX, PX, Hà Nội) đang dựng ở lề đường rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng thu mua sắt vụn của Nguyễn Thị S (SN: 1980, HKTT: QG, TT) để bán xe. Lúc này, S hỏi Đ: *"nhảy ở đâu, có xa không, nếu gần chị không lấy đâu"* thì Đ hiểu ý của S hỏi là trộm xe ở đâu, có xa không, nếu gần đây thì sẽ không mua. Đ nói: "em nhảy tít PX cơ" thì S đồng ý mua xe và đưa cho Đ 800.000 đồng. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 6: Khoảng 09 giờ ngày 19/8/2025, tại khu vực thôn Đinh Xá, xã PX Đ trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 33L4 – 9911 của anh Trần Văn H (SN: 1979, HKTT: PG, PX, Hà Nội) đang dựng ở lề đường trước cổng xưởng cơ khí Hùng Dũng rồi bán cho chị Đoàn Thị H1 (SN: 1989, HKTT: thôn NA, xã NP, TP. Hà Nội) với giá 800.000 đồng. Số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 20/8/2025, anh Nguyễn Việt Q, chị Đoàn Thị Q1, anh Nguyễn Văn G, anh Trần Văn H và anh Vũ Xuân V có đơn trình báo sự việc đến Công an xã PX, thành phố Hà Nội.

Tang vật thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô Honda Wave, màu xanh, BKS: 33L4 – 9911, đã qua sử dụng do chị Đoàn Thị H1 tự nguyện giao nộp.

+ 01 (một) xe mô tô Honda Wave S110, màu đỏ, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô Honda Wave anpha, màu xanh, BKS: 33L9 – 9504 đã qua sử dụng do Nguyễn Thị S tự nguyện giao nộp.

+ 01 (một) xe đạp thể thao, màu đen, trên khung xe có chữ GUDRUN, đã qua sử dụng do ông Lê Văn B2 tự nguyện giao nộp.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaome 12 Pro, màu đen, Imel 1: 861084060860857, Imel 2: 861084060860865, đã qua sử dụng do anh Phạm Anh T1 tự nguyện giao nộp.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG V50 ThinQ màu đen, số imei: 355693105480910 thu giữ của Quách Văn Đ.

Tại các Bản kết luận định giá số 995 ngày 26/7/2025; số 1037 1043, 1045, 1047 ngày 27/8/2025; số 1114 ngày 29/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hà Nội kết luận:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS: 33L4 – 9911 có trị giá 4.500.000 đồng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG V50 ThinQ, màu đen, số imei: 355693105480910, có trị giá 667.000 đồng và điện thoại di động nhãn hiệu Xiaome 12 Pro, màu đen, Imel 1: 861084060860857, Imel 2: 861084060860865 có trị giá 4.500.000 đồng.

- Đối với xe đạp thể thao, màu đen, trên khung xe có chữ GUDRUN có trị giá 1.733.000đ.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu xanh, BKS: 33L9 – 9504 có trị giá 4.333.000đ.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S 110, màu đỏ, đã qua sử dụng có trị giá 3.333.000đ.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu xanh, gắn BKS: 29K9 – 5532 là tang vật của vụ trộm số 1. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Hà Nội từ chối định giá do không đủ điều kiện định giá tài sản theo quy định (do chưa thu hồi được tài sản).

Tại các Bản kết luận giám định số 7307, 7309, 7297 ngày 27/10/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không đeo BKS, tại bề mặt số khung và số máy của xe có dấu vết tẩy xoá. Xác định được số khung nguyên thuỷ của xe là RLHJ?...? (ký tự "?" không xác định được). Không xác định được số máy nguyên thuỷ của xe.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 33L9-9504, có số khung: RLHHC09073Y208945 và số máy HC09E - 02209035 là số nguyên thuỷ.

Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 33L4 - 9911, có số khung: RLHHC08082Y116159 và số máy: HC08E-0116169 là số nguyên thuỷ.

Đối với Nguyễn Thị S là người mua chiếc xe mô tô Honda Wave anpha, màu xanh, BKS: 33L9 – 9504 của Đ ngày 17/8/2025, khi mua chiếc xe mô tô này, S không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có. Đến ngày 18/8/2025, S tiếp tục mua chiếc xe mô tô Honda Wave S110, màu đỏ của Đại, khi mua chiếc xe mô tô này S biết rõ đây là xe mô tô do Đ trộm cắp mà có nhưng do hám lợi nên S vẫn đồng ý mua.

Đối với chị Đoàn Thị H1 là người mua chiếc xe mô tô Honda Wave, màu xanh, BKS: 33L4 – 9911; chị Phạm Thị Q2 là người mua chiếc xe mô tô SYM, màu xanh, BKS: 29K9 – 5532; anh Phạm Anh T1 là người mua chiếc điện thoại Xiaome 12 Pro; ông Lê Văn B2 là người mua chiếc xe đạp thể thao của Quách Văn Đ. Quá trình điều tra làm rõ, khi mua các tài sản trên, chịĐoàn Thị\\\ H1, chị Q2, anh T1, ông B2 không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Quá trình điều tra đã làm rõ chủ sở hữu của các tài sản: 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG V50 ThinQ và Xiaomi 12 Pro của anh Nguyễn Việt Q; xe đạp thể thao màu đen nhãn hiệu GUDRUN của anh Nguyễn Văn G; xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 33L9–9504 của chị Đoàn Thị Q1; xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 33L4–9911 của anh Trần Văn H. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S110 màu đỏ, số khung, số máy có dấu vết tẩy xoá (của anh Vũ Xuân V). Xác định số khung nguyên thuỷ là RLHJ...? (ký tự "?" không xác định được), không xác định được số máy nguyên thuỷ của xe. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xanh, BKS: 29K9 – 5532 của ông Nguyễn Văn B1. Ngày 11/8/2025, Quách Văn Đ bán chiếc xe này cho chị Phạm Thị Q2. Chị Q2 đã bán chiếc xe này cho người qua đường, hiện chưa thu hồi được. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Về dân sự:

- Anh Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn G, Trần Văn H và chị Đoàn Thị Q1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Anh Nguyễn Văn B1, Vũ Xuân V không có yêu cầu đề nghị gì.

- Anh Phạm Anh T1, chị Phạm Thị Q2 và Đoàn Thị H1 không có yêu cầu đề nghị gì.

- Ông Lê Văn B2 đề nghị Quách Văn Đ bồi thường số tiền 800.000 đồng là số tiền ông B2 mua chiếc xe đạp do Đ bán ngày 16/8/2025.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSKV 11 ngày 05/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội truy tố các bị cáo: Quách Văn Đ về tội: *"Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị S về tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên toà, Đ diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố về tội danh và điều khoản đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Quách Văn Đ). Xử phạt: Quách Văn Đ từ 32 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/8/2025.

-Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Thị S). Xử phạt: Nguyễn Thị S từ 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ theo khoản 5 Điều 173; bị cáo S theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Quách Văn Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn B2 số tiền 800.000 đồng là số tiền ông B2 mua chiếc xe đạp thể thao do Đ trộm cắp của anh Nguyễn Văn G.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S110 màu đỏ, số khung, số máy có dấu vết tẩy xoá (của anh Vũ Xuân V). Xác định số khung nguyên thuỷ là RLHJ...? (ký tự "?" không xác định được), không xác định được số máy nguyên thuỷ của xe do Đ trộm cắp của anh Vũ Xuân V.

Truy thu và buộc Quách Văn Đ phải nộp số tiền 4.450.000 đồng thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước.

Về án phí, quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định cảu pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi tố tụng, Quyết định của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của

người bị hại, người liên quan, vật chứng đã được thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/8/2025 đến ngày 19/8/2025, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, Quách Văn Đ đã 06 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã PX, thành phố Hà Nội. Trong đó: Đ đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn B1 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM; chiếm đoạt của chị Đoàn Thị Q1 01 xe mô tô Honda Wave trị giá 4.333.000 đồng; chiếm đoạt của anh Vũ Xuân V 01 xe mô tô Honda Wave S110 trị giá 3.333.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Việt Q 02 điện thoại di động tổng trị giá 5.167.000 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn G 01 xe đạp thể thao trị giá 1.733.000 đồng; chiếm đoạt của anh Trần Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave trị giá 4.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 19.066.000 đồng.

Đối với Nguyễn Thị S khi mua chiếc xe mô tô Honda Wave S110, màu đỏ, BKS: 30Y2 – 1632 của Quách Văn Đ, S biết rõ là xe mô tô do Đ trộm cắp mà có nhưng do hám lợi nên S vẫn đồng ý mua. (trị giá 4.333.000 đồng).

Bản cáo trạng số 70/CT-VKSKV 11 ngày 05/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội đã truy tố các bị cáo: Quách Văn Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Nguyễn Thị S về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét các bị cáo Quách Văn Đ và Nguyễn Thị S là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trong khoảng thời gian ngắn Quách Văn Đ đã liên tiếp nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, thể hiện tính chuyên nghiệp, ham chơi, đua đòi, lười lao động, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Trước đó, năm 2023 bị cáo đã có 01 tiền án (phạt 06 tháng tù) về tội cùng loại, mới ra trại ngày 09/12/2025 (chưa được xóa án) nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân lại tiếp tục thực hiện liên tiếp nhiều lần trộm cắp tài sản. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, nhằm răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị S, mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là phụ nữ nhưng vì hám lợi bất chính nên đã tiêu thụ tiếp tay cho Quách Văn Đ vi phạm pháp luật. Do vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình hội đồng xét xử cũng xem xét hành vi đối với Quách Văn Đ và Nguyễn Thị S trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng Nguyễn Thị S lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau phạm tội đã tự nguyện giao nộp 02 xe máy tang vật mua của Đ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Quách Văn Đ có 01 tiền án về tội cùng loại, chưa được xóa án nên lần phạm tội này là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị S không có tình tiết tăng nặng.

Đối chiếu với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự (tù có thời hạn) cách ly bị cáo Quách Văn Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài đủ để cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tích cực giao nộp 02 xe tang vật phục vụ điều tra, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 được sửa đổi bổ sung bởi: Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 và Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết (Hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự) cần cho bị cáo một cơ hội được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn và cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính thì đối với Quách Văn Đ còn có thể bị áp dụng thêm hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đối với Nguyễn Thị S theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

*Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

- Quá trình điều tra đã làm rõ chủ sở hữu của các tài sản: 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LG V50 ThinQ và Xiaomi 12 Pro của anh Nguyễn Việt Q; xe đạp thể thao màu đen nhãn hiệu GUDRUN của anh Nguyễn Văn G; xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 33L9–9504 của chị Đoàn Thị Q1; xe mô tô Honda Wave màu xanh BKS 33L4–9911 của anh Trần Văn H. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu quản lý, sử dụng là có căn cứ. Anh Nguyễn Việt Q, Nguyễn Văn G, Trần Văn H và chị Đoàn Thị Q1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường nên không đặt ra để xem xét.

- Anh Nguyễn Văn B1 (liên quan chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM màu xanh, BKS: 29K9 – 5532 chưa thu hồi được); anh Vũ Xuân V (liên quan chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S110 màu đỏ, số khung, số máy có dấu vết tẩy xoá chưa xác định được đang bị thu giữ) đều không có yêu cầu đề nghị gì về tài sản.

- Anh Phạm Anh T1, chị Phạm Thị Q2 và Đoàn Thị H1 không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường.

- Ông Lê Văn B2 đề nghị Quách Văn Đ bồi thường số tiền 800.000 đồng là số tiền ông B2 mua chiếc xe đạp do Đ bán ngày 16/8/2025. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo Đ phải có nghĩa vụ bồi thường trả ông Lê Văn B2 số tiền nêu trên là có căn cứ.

*Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave S110 màu đỏ, số khung, số máy có dấu vết tẩy xoá. Xác định số khung nguyên thuỷ là RLHJ...? (ký tự "?" không xác định được), không xác định được số máy nguyên thuỷ của xe. Do vậy, cần tịch thu phát mại để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền thu lời bất chính như: Đ bán chiếc xe máy trộm cắp của ông B1 cho chị Q2 với giá 850.000 đồng; bán điện thoại trộm cắp của anh Q cho anh T1 với giá 1.200.000 đồng; bán 01 xe đạp thể thao trộm cắp của anh G cho ông B2 với giá 800.000 đồng; bán 02 chiếc xe máy trộm cắp của chị Q1 và anh V cho bị cáo S với giá 800.000 đồng/01 chiếc và bán 01 xe máy trộm cắp của anh H cho chị Đoàn Thị H1 800.000 đồng. Tổng là 5.250.000 đồng, Đ ăn tiêu cá nhân hết. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền Đ thu lời bất chính trên, ngoài số tiền 800.000 đồng ông Lê Văn B2 đề nghị Đ phải bồi thường ra thì các bị hại và người liên quan khác không có ý kiến đề nghị bồi thường. Nên cần truy thu và buộc Quách Văn Đ phải nộp số tiền 4.450.000 đồng thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Trong vụ án này còn có các hành vi: Đối với chị Đoàn Thị H1 là người mua chiếc xe mô tô Honda Wave, màu xanh, BKS: 33L4 – 9911; chị Phạm Thị Q2 là người mua chiếc xe mô tô SYM, màu xanh, BKS: 29K9 – 5532; anh Phạm Anh T1 là người mua chiếc điện thoại Xiaome 12 Pro; ông Lê Văn B2 là người mua chiếc xe đạp thể thao của Quách Văn Đ. Quá trình điều tra làm rõ, khi mua các tài sản trên, chị H1 , chị Q2, anh T1, ông B2 không biết đây là tài sản do Đ trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật; người bị hại; người liên quan, có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Quách Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; Nguyễn Thị S phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự (đối với Quách Văn Đ).

Xử phạt: **Quách Văn Đ 38** (Ba tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam **21/8/2025**.

-Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự (đối với Nguyễn Thị S);

Xử phạt: **Nguyễn Thị S 08** (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án;

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân xã TT, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Quách Văn Đ phải bồi thường cho ông Lê Văn B2 số tiền 800.000 (*Tám trăm ngàn*) đồng.

Sau khi bản án có lực pháp luật, kể từ ngày ông Lê Văn B2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong hết khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng bị cáo Đ phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án đối với khoản chưa thanh toán theo mức lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S110 màu đỏ, đã qua sử dụng.

Truy thu và buộc Quách Văn Đ phải nộp số tiền 4.450.000 *(Bốn triệu năm trăm ngàn)* đồng thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước.

Vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội và Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 11 - Hà Nội.

4. *Về án phí*: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, điểm f, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Quách Văn Đ và Nguyễn Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm ngàn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo Quách Văn Đ phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự trong hình sự.

5. *Về Quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo Quách Văn Đ và Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND khu vực 11; VKS ND TP. Hà Nội;*
- *Công an thành phố Hà Nội;*
- *Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội*
- *Bị cáo;*
- *Lưu: Hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Trí